

C.H. 7
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7875/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về công tác dân số trong tình hình mới

Thực hiện Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 208-KH/BCS ngày 06/7/2018 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhằm đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Xác định nhiệm vụ trọng tâm đề các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện nhằm tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ và tạo thuận lợi cho lĩnh vực y tế - dân số phát triển một cách bền vững, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

a) Triển khai Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về công tác dân số trong tình hình mới; tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải được chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố và được tiến hành thường xuyên, thông qua các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của các cấp chính quyền, các ngành và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong việc nâng cao chất lượng dân số.

b) Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với trọng tâm công tác dân số trong từng thời kỳ; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp chính quyền, các sở, ban, ngành trong công tác dân số.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết hàng năm để kịp thời đề ra những giải pháp phù hợp, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện hiệu quả các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số; duy trì vững chắc mức sinh thay thế và tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,0 con), quy mô dân số 3,6 triệu người.

b) Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.

c) Tỷ số giới tính khi sinh dưới 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

d) Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 05 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

đ) Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt 68 năm; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

e) Chiều cao ở 18 tuổi đối với nam đạt 168,5cm; nữ đạt 157,5 cm.

g) Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý, bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

h) 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống dữ liệu dân cư, thống nhất trên quy mô toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ phân công (Đính kèm phụ lục)

2. Giải pháp thực hiện

a) Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác dân số.

- Chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân số, tiếp tục lồng ghép thực hiện công tác dân số vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp; đưa nội dung chỉ tiêu thực hiện tốt công tác dân số vào tiêu chí thi đua của các ngành, các cấp. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế - dân số và các lĩnh vực liên quan tới sức khỏe.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và của cả cộng đồng trong công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình. Kiện toàn các Ban Chỉ đạo, đẩy mạnh phối hợp liên ngành, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp nâng cao chất lượng dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để huy động các tổ chức, tôn giáo thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số; mỗi gia đình sinh đủ 02 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, không lựa chọn giới tính khi sinh, toàn dân phát huy và chăm sóc người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số tạo sức lan tỏa trong xã hội.

b) Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030 với nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với thực trạng mức sinh của từng vùng, đối tượng theo hướng sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao, sinh đủ 02 con ở những nơi có mức sinh thấp, duy trì mức sinh thay thế.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; chú

trọng truyền thông về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi và khuyến khích người phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao.

- Tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh. Nâng cao nhận thức về tác hại, hệ lụy, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cấm tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Truyền thông vận động, tạo phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực. Tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng, lối cuốn đông đảo các tầng lớp Nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Chú trọng nêu gương những cá nhân, gia đình điển hình.

- Vận động và phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, hương ước, quy ước của cộng đồng, tiêu chuẩn thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đổi mới toàn diện, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp từng nhóm đối tượng. Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Đa dạng các loại hình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính; dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong nhà trường; hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, SKSS đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các cộng tác viên dân số.

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

- rà soát các quy định của pháp luật về dân số trên địa bàn tỉnh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp. Kiện toàn công tác thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; xử lý nghiêm hành vi vi phạm; ngăn ngừa có hiệu quả lựa chọn giới tính thai nhi. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành dân số; thực thi thanh tra, kiểm tra việc chấp hành, xử lý các hành vi vi phạm.

- Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số.

- Hướng dẫn đưa các quy định, chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố; khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số tại nơi cư trú.

- Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ thông qua tuyên truyền nội dung Luật Người cao tuổi, Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ luật Lao động, Luật Bình đẳng giới và các luật có liên quan; xây dựng chiến lược phát triển gia đình đến năm 2030, thực hiện tốt việc phòng, chống bạo lực gia đình; hướng dẫn lồng ghép các nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở (các hương ước, quy ước của cộng đồng, dòng tộc) nhằm khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khu công nghiệp, khu chế xuất của từng vùng, địa phương phù hợp với hiện trạng và xu hướng vận động của các yếu tố dân số, phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng già hóa dân số bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của từng vùng và trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục xây dựng các chính sách để tác động tới sự phân bố lại dân số hợp lý từng vùng, từng địa phương và trên phạm vi cả tỉnh; đặc biệt dân tộc dưới 10 nghìn người theo hướng đảm bảo sự phát triển đồng đều, bình đẳng giữa các dân tộc.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020, chính sách dân số đã được ban hành trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch của Bộ Y tế và các bộ ngành liên quan đến công tác dân số.

d) Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ dân số

- Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025; Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2018 - 2020. Rà soát, sửa đổi, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy định về các dịch vụ dân số, bao gồm: Phương tiện, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán và điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; chăm sóc người cao tuổi.

- Xây dựng Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030: Nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho cán bộ dân số; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; đảm bảo phương tiện tránh thai, đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng các loại hình dịch vụ gắn với triển khai thực hiện gói bảo hiểm y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe, đáp ứng nhu cầu được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại của mọi nhóm đối tượng, nhất là vị thành niên, thanh niên. Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng.

- Xây dựng Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh đến năm 2030: Phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh và hỗ trợ sinh sản; tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho cán bộ dân số; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; thử nghiệm, mở rộng mặt bệnh, tật được đưa vào chương trình; đầu tư trang thiết bị hiện đại tại các cơ sở y tế công lập có thực hiện dịch vụ sàng lọc, hỗ trợ sinh sản trên địa bàn. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, đặc biệt trong việc quản lý các đối tượng mắc và được điều trị.

- Xây dựng Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030: Phát triển hệ thống lão khoa theo nguyên tắc kết hợp dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ; đào tạo, tập huấn kiến thức lão khoa cho cán bộ y tế các cấp, đặc biệt là y tế cơ sở; củng cố, nâng cao năng lực các cơ sở lão khoa; các loại hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc tập trung; xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi. Tăng cường trang bị kiến thức, kỹ năng cho tình nguyện viên, cộng tác viên, người giúp việc và bản thân người cao tuổi về chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án củng cố hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, đa dạng các loại hình cung cấp các phương tiện tránh thai.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 và cơ sở dữ liệu về gia đình Việt Nam.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn, làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa dân số và phát triển, dân số thực sự là động lực cho phát triển. Đề xuất phương án điều chỉnh các yếu tố dân số để quy mô, cơ cấu, phân bố dân số được hài hoà, hợp lý, chất lượng dân số ngày càng cao phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, bảo đảm phát triển bền vững của từng địa phương và cả tỉnh; tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ y - sinh học nhằm tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị và phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Chú trọng các nghiên cứu tác nghiệp, phục vụ việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và quản lý, điều hành công tác dân số. Tăng cường năng lực cơ sở nghiên cứu dân số và phát triển. Đẩy mạnh hợp tác, chuyển giao khoa học công nghệ giữa các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước.

đ) Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số đến năm 2030. Bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn đầu tư cho các nội dung công tác dân số và phát triển do ngân sách nhà nước bảo đảm; đồng thời xây dựng chính sách, kế hoạch cụ thể huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống Nhân dân nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi...

- Rà soát, bổ sung chương trình vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc người cao tuổi; sản xuất, phân phối phương tiện tránh thai.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thị trường bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại... bảo đảm mọi người lao động trong khu vực chính thức và khu vực phi chính thức đều bình đẳng trong tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

e) Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

- Xây dựng đề án, mô hình và tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số các cấp và nghiên cứu mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về dân số và phát triển. Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác

dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, thực hiện chức năng quản lý và điều phối có hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực có liên quan đến dân số và phát triển.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Nghiên cứu, ban hành hệ thống mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng làm cơ sở cho tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ làm công tác dân số.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính. Củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp công nghệ thông tin điện tử, tích hợp các phần mềm ứng dụng trong quản lý và cung cấp các dịch vụ về dân số nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác thông tin về dân số và phát triển, ưu tiên phát triển cung cấp dịch vụ dân số qua mạng, tạo thuận lợi cho người dân.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo hoạt động hiệu quả.

g) Tăng cường hợp tác quốc tế

- Triển khai hợp tác và tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế theo chủ trương của Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan.

- Tăng cường quản lý và phát huy hiệu quả các chương trình, dự án, đề án đã và đang hỗ trợ cho Chương trình Y tế - Dân số trong tỉnh.

- Tích cực chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của các chương trình dự án quốc tế; đồng thời tăng cường hợp tác và hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các tỉnh trong khu vực và cả nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực của các thành phần kinh tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, hàng năm báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời.

b) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là

người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025 (Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020 (Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở những nội dung được giao trong kế hoạch này theo phụ lục danh mục những nhiệm vụ cần triển khai thực hiện (đính kèm) có trách nhiệm:

a) Triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện, đồng thời cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành và địa phương. Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm nâng cao nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị, toàn dân, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; định kỳ hàng năm trước ngày 01/12 báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện toàn diện, đồng bộ công tác dân số đã được phân cấp theo quy định.

c) Đối với vấn đề cấp bách nếu chưa có văn bản pháp luật quy định hoặc có quy định khác, các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo UBND tỉnh, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định; rà soát, bổ sung chương trình vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển.

4. Sở Tài chính xem xét, thẩm định, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh thực hiện các nhiệm vụ có liên quan nhằm phát huy sức mạnh để triển khai thực hiện các nhiệm vụ dân số trong tình hình mới.

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai xây dựng chuyên trang, chuyên mục,

chuyên đề tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.


Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các ngành và địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế) để kịp thời xem xét, giải quyết nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về công tác dân số trong tình hình mới./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban TGTU;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND (VX);
- Ủy ban MTTQ VN, các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Tổng cục DS-KHHGĐ;
- Thành viên BCĐ công tác DS-KHHGĐ;
- Các Sở: YT, KHĐT, TC, TT&TT;
- Báo ĐN, báo LĐĐN, Đài PTTH ĐN;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Chánh, Phó CVP. UBND (VX);
- Chi cục DS-KHHGĐ;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 725KH-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến	Ghi chú
I	Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác dân số				
1	Gắn các mục tiêu dân số vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp	Các Sở, Ban ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa	Sở Y tế	Thường xuyên	
2	Kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra công việc thực hiện các chế độ, chính sách và các lĩnh vực liên quan tới công tác dân số	Sở Y tế, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa	Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể	Thường xuyên	
3	Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
4	Lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
II	Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số				
5	Tuyên truyền Nghị quyết số 21-NQ/TW và Kế hoạch số	Các sở, ban, ngành, Báo	Các sở, ban, ngành, Ủy	Thường	

	174-KH/TU về công tác dân số trong tình hình mới, Pháp lệnh Dân số, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Lao động, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Người cao tuổi, Luật Dân số (khi được Quốc hội ban hành)	Đồng Nai, Báo Lao động ĐN, Đài PT - TH Đồng Nai, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa	ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể	xuân	
6	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
7	Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn hiện hành nhằm thống nhất các tiêu chí đánh giá về gia đình hạnh phúc trong thời kỳ mới; hướng dẫn lồng ghép tuyên truyền về công tác dân số với công tác gia đình; gắn thiết chế văn hóa cơ sở (các hương ước, quy ước của cộng đồng, dòng tộc) trong thực hiện chính sách dân số và xây dựng gia đình hạnh phúc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
III Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số					
8	Xây dựng, ban hành chính sách dài ngò đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019- 2020	Theo tiến độ TW triển khai
9	Xây dựng, ban hành chế độ khuyến khích tinh thần, vật chất đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019- 2020	Theo tiến độ TW triển khai
10	Tham mưu, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019- 2020	Theo tiến độ TW triển khai
11	Hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của cộng đồng	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019- 2020	Theo tiến độ TW triển khai

12	Triển khai quy định về đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số, nhất là nên có 02 con, nuôi dạy con tốt, kính già, yêu trẻ, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	Thường xuyên	Theo tiến độ TW triển khai
13	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người di cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
IV Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ dân số					
14	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 - 2021	Theo tiến độ TW triển khai
15	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 - 2021	Theo tiến độ TW triển khai
16	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 - 2021	Theo tiến độ TW triển khai
17	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 - 2021	Theo tiến độ TW triển khai
18	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
19	Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 -	Theo tiến độ TW triển khai

	quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030			2021	triển khai
20	Xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch rà soát, sửa đổi chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	Thường xuyên	
21	Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 - 2021	Theo tiến độ TW triển khai
22	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình đến năm 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh, Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
23	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án về nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
24	Xây dựng, triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dân số và phát triển trong tình hình mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	Thường xuyên	
V	Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số				
25	Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
26	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
27	Phân bổ nguồn lực thực hiện tốt công tác dân số	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	Thường xuyên	

VI. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số					
		Sở Nội vụ	Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các cơ quan liên quan	2019	Theo tiến độ TW triển khai
28	Xây dựng đề án, mô hình và tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số các cấp; Nghiên cứu thí điểm mạng lưới cộng tác viên thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em ở cộng đồng;	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2020 - 2021	Theo tiến độ TW triển khai
29	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án nghiên cứu mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về dân số và phát triển giai đoạn 2021-2030	Sở Y tế, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
30	Nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án quy định cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2019 - 2020	Theo tiến độ TW triển khai
31	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan	2018 - 2019	Theo tiến độ TW triển khai
32	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập				

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐOÀN TỈNH CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp